

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 10
GV: Lê Thị Hiệp

TIẾT 22 (Tiết 23,24 kiểm tra giữa kì 1)

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 10

Năm học : 2026 – 2027

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học so với yêu cầu của chương trình giáo dục 2018, nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học.
- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận 100%

III. THIẾT LẬP MA TRẬN, ĐẶC TẢ

1.MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng
			Nhận biết (Số câu)	Thông hiểu (Số câu)	Vận dụng (Số câu)	
			TL	TL	TL	
1	Đọc	Truyện ngắn Việt Nam	2	3	1	6
Tỉ lệ điểm			15%	30%	15%	60%
2	Viết	Viết bài văn nghị luận văn học	1	1	1	1

Tỉ lệ điểm trên từng câu hỏi	10%	15%	15%	40%
Tỉ lệ % điểm các mức độ nhận thức	25%	45%	30%	100%

2. Bảng đặc tả

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	60%
				biết	hiểu	dụng	
1	ĐỌC HIỂU (Ngữ liệu ngoài SGK)	Văn bản/đoạn trích truyện ngắn Việt Nam	Nhận biết: - Nhận biết được ngôi kể - Nhận biết một số chi tiết trong truyện Thông hiểu: - Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ. - Phát hiện từ ngữ, chi tiết và phân tích, đánh giá được đặc điểm tính cách, tâm trạng của nhân vật trong truyện ngắn. - Nêu nội dung, chủ đề chính của tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được thái độ, tình cảm của tác giả dành cho nhân vật. Vận dụng: - Rút ra được bài học gợi ra từ truyện ngắn. - Thể hiện thái độ với các vấn đề đặt ra từ văn bản.	15%	30%	15%	

2	VIẾT	Nghị luận văn học (Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá những nét đặc sắc hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện.)	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận văn học. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. - Biết được những hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu:	1* 10%	1* 15%	1* 15%	40%
						1 câu TL	

		- Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận. - Hiểu được những nghệ thuật xây dựng của tác phẩm. - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: - Phân tích cụ thể, rõ ràng những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng với những cứ liệu sinh động. - Đánh giá về đoạn trích/tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. - Sử dụng kết hợp các thao tác lập luận (phân tích, so sánh, bình luận); vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.				
Tổng Tỉ lệ % Tỉ lệ chung						7
			25%	45%	30%	100
			70		30	100

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

*** Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm):**

- **Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại truyện ngắn hiện đại
- **Yêu cầu:**
 - + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại Truyện ngắn hiện đại
 - + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
 - + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm 1 câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng.

*** Phần II: Viết (4,0 điểm):**

1. Nghị luận văn học

- **Về kiến thức:**
 - + Kiến thức là một tác phẩm đoạn trích truyện không có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 10
 - **Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được:**
 - + Kỹ năng viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm Truyện ngắn hiện đại
- Dung lượng: 500- 600 chữ

II. ĐỀ MINH HỌA

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ

ĐỀ 1. Đọc hiểu (6đ) Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:

(Lược đoạn đầu: Di Diệu đã ngoài 40 tuổi, do phẫu thuật cắt khối u nhỏ ở buồng trứng nên vĩnh viễn mất đi khả năng làm mẹ. Vì khao khát có con, vì thương chồng, di Diệu đã thuyết phục chú Đức đồng ý có con bằng phương pháp thụ tinh ống nghiệm, sau đó thuê người mang thai hộ.

Người được lựa chọn là chị Lành, người đàn bà lỡ thời, cục mịch nhưng tính cách vui vẻ. Chị làm nghề gánh nước thuê trong khu nhà trọ của di Diệu. Di chọn chị Lành bởi vì chị hiền, di tin rằng người mẹ hiền sẽ đẻ con hiền. Mà chị Lành vì thương hoàn cảnh của di Diệu, một phần cũng rất cần tiền để gửi về quê nên đã đồng ý làm hợp đồng mang thai hộ.)

Cuối cùng thì chị Lành cũng đã trở thành người nhà di Diệu. Di thương chị như em gái ruột của mình. Mà, không thương sao được, nghe xóm giềng xầm xì chuyện chị Lành không chồng mà lại có con, lòng di Diệu đau lắm, di nghĩ, vậy là tai tiếng, khổ sở cả một đời con gái người ta. Không thương sao được, khi chị Lành thay di chịu hết cơ cực khi có con. Mới hai tháng, khắp mình chị đã nổi sảy sần như giẻ côm cháy. Hai bên gò má da bắt đầu nám xạm đi.

Chị không ăn được gì nhưng lại thèm đủ thứ. Di Diệu biểu chị muốn ăn cái gì di Diệu sẽ mua cho. Chị thèm thịt trâu luộc cơm mẻ, di Diệu mới đem về tảng lạng tíu lú trong bếp, chị Lành đã bắt mùi cơm mẻ ối sấp ối ngửa. Di Diệu thương tới rơi nước mắt. Tận đáy lòng chị Lành biết rằng di Diệu thương chị thiết tình như một con người với một con người chứ không phải vì đứa bé chị mang trong bụng. Di Diệu bắt đầu chuẩn bị cho một đứa con ra đời. Di mua mấy tấm hình em bé về dán trong căn nhà chị Lành. Đứa nào đứa nấy ứ na ứ nần, thấy cưng không chịu được. Di biểu chị Lành phải siêng nhìn để sinh con ra nó sẽ xinh đẹp như thế. Chị Lành thắc mắc:

- Giống trong hình làm chi, giống ba giống má nó là được rồi.
- Di Diệu ngăn người, ờ, di bắt đầu nghĩ, đứa bé sinh ra sẽ giống ai, giống chú Đức đẹp người, giống di trong trẻo, trẻ trung hay giống ...
- Nó sẽ giống cả ba người.
- Di chắc chắn như vậy.

Chị Lành thường lén trốn dì Diệu đi gánh nước. Hồi chưa có bầu thì gánh đầy, bây giờ gánh lưng thùng. Chị muốn gởi về cho má nguyên số tiền đó mà không mề một đồng nào. Bây giờ, có con, chị thương má nhiều thiệt nhiều. Dì Diệu có hôm dọn hàng về sớm, thấy chị Lành vất vẻo đôi thùng trên đường mà lòng xót xa:

- Con của chị em mình giờ là cục máu mỏng manh lắm, em làm vậy không được đâu.
Chị Lành rân rân nước mắt cái câu “con của chị em mình”. Dì Diệu dỗ, “em mà khóc hoài, em bé sinh ra mặt sẽ buồn cho mà coi”. Rất nhẹ và dịu dàng, lòng hai người đàn bà tự dưng chỉ nghĩ về chỗ dựa con.

Dì Diệu bắt đầu mua sắm, từ cái núm vú da cầm tay tới bình ủ sữa, chiếu manh, nệm trẻ con, mùng chụp. Rảnh rồi, dì ngồi mơn man mấy món đồ tưởng như đã thấy được đưa bé con ngo ngoe hai bàn chân nhỏ trên cái trường kỷ nhà dì. Chú Đức mỗi lần về lại thấy một mớ đồ trẻ con chất ngồn ngồn ở trong phòng. Chú đọc trong mắt dì Diệu một niềm khát khao hừng chín. Chú thấy mình vui đi mỗi bận tâm trong lòng, đôi lúc chú cũng thêm muốn chết một đôi chân lấm chẫm của trẻ con...

Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:

- Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.
Dì Diệu hơn hờ vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chòi đạp rồi rít. Chị Lành cười giòn:

- Nó mạnh quá chị ha...
Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thêm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thêm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẫy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ. Dì bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày, từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rói rít ăn, rói rít ngủ vì biết rằng mai này rồi chẳng còn nhau...

(Trích *Làm mẹ*, in trong tập *Giao thừa*, Nguyễn Ngọc Tư, Nhà xuất bản Trẻ, 2023, tr 123-132)
Chú thích: Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Truyện ngắn của chị chiếm trọn trái tim độc giả bằng phong cách nhẹ nhàng, lối viết văn bình dị, đơn giản; giọng văn mộc mạc đầy nắng gió phương Nam, mềm mại nhưng vô cùng sâu sắc về những cảnh đời éo le, những số phận chìm nổi.

- Câu 1.** Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?
- Câu 2.** Theo đoạn trích, *mới hai tháng* ,chị Lành được miêu tả về bên ngoài như thế nào?
- Câu 3.** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu sau: *Mới hai tháng, khắp mình chị đã nổi sậy sần như giẻ com cháy*.
- Câu 4.** Nhận xét tình cảm của nhà văn đối với chị Lành?
- Câu 5.** Chủ đề chính của đoạn trích trên là gì?
- Câu 6. (1,5 điểm)** Từ câu chuyện về gia đình dì Diệu , bài học có ý nghĩa nhất đối với anh/chị là gì? Lí giải? (Trình bày khoảng 5 đến 7 câu)

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá những nét đặc sắc nghệ thuật trong truyện ngắn *Làm mẹ của Nguyễn Ngọc Tư*

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Ngôi kể: Ngôi kể thứ 3	0,75
	2	Mới hai tháng, khắp mình chị đã nổi sậy sần như giẻ com cháy. Hai bên gò má da bắt đầu nám xạm đi.	0,75

	3	- Biện pháp tu từ so sánh: <i>khắp mình chị đã nổi sậy sẵn với giẻ com cháy.</i> (+qua từ như +thể hiện qua hình ảnh “<i>nổi sậy sẵn như giẻ com cháy</i>”). - Tác dụng: + Tăng tính gợi hình, gợi cảm, sinh động hấp dẫn cho lời văn + Nhấn mạnh những thay đổi về ngoại hình và sự vất vả, cơ cực mà chị Lành phải chịu đựng.. + Qua đó thể hiện niềm xót thương của tác giả đối với những hi sinh thầm lặng của người phụ nữ.	1,0
	4	- Chủ đề chính: Đoạn trích thể hiện khát vọng làm mẹ thiêng liêng của người phụ nữ, sự cảm thông với những người phụ nữ có hoàn cảnh éo le và khẳng định vẻ đẹp của tình mẫu tử, tình người.	1,0
	5	- Tình cảm của nhà văn đối với chị Lành: Thương cảm, xót xa trước những vất vả, hi sinh về thể chất và tinh thần của chị khi mang thai hộ, đồng thời trân trọng tấm lòng nhân hậu, giàu tình yêu thương và đức hi sinh của chị. - Nhận xét: Đây là tình cảm chân thành, sâu sắc của tác giả đối với chị Lành cũng như của những người nông dân nghèo khổ	1,0
	6	Gợi ý: <i>Từ câu chuyện về gia đình di Diệu, bài học có ý nghĩa nhất đối với em là cần biết yêu thương, cảm thông và sẻ chia với những người xung quanh, đặc biệt là những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh. Trong cuộc sống, mỗi người đều có những hoàn cảnh và nỗi đau riêng mà không phải lúc nào cũng dễ dàng bộc lộ.. Nếu biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác, chúng ta sẽ học được cách lắng nghe, thấu hiểu và giúp đỡ họ. Như thế thì cuộc sống sẽ tốt đẹp và có ý nghĩa hơn</i>	1,5
II		PHẦN VIẾT	4,0
		Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá những nét về đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn “Nhà mẹ Lê” của Thạch Lam.	
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Phân tích, đánh giá những nét về đặc sắc nghệ thuật	0,5
		c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài Nguyễn Ngọc Tư là nhà văn nổi bật của văn học Việt Nam	2,0

đương đại, được yêu mến bởi giọng văn mộc mạc, giàu cảm xúc và khả năng khám phá những góc khuất trong tâm hồn con người. Truyện ngắn *Làm mẹ*, trích trong tập *Giao thừa*, Không chỉ gây xúc động bởi nội dung nhân văn, mà tác phẩm còn để lại dấu ấn nhờ những nét đặc sắc trong nghệ thuật .

2. Thân bài

* Giới thiệu khái quát về tác phẩm:

* Phân tích đặc sắc nghệ thuật của truyện:

Trước hết, truyện thành công ở **nghệ thuật lựa chọn ngôi kể thứ ba kết hợp với điểm nhìn linh hoạt**. Người kể chuyện giấu mình nhưng có khả năng đi sâu vào thế giới nội tâm của các nhân vật. Qua điểm nhìn của dì Diệu, người đọc cảm nhận được khát vọng có con mãnh liệt và nỗi đau khi không thể trực tiếp trải nghiệm cảm giác mang thai. Qua điểm nhìn của chị Lành, những giằng xé trước ngày phải chia lìa đứa bé cũng hiện lên đầy day dứt. Đặc biệt, câu văn “Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến” diễn tả ngắn gọn hai tâm trạng trái ngược: dì Diệu mong ngày đứa trẻ chào đời, còn chị Lành lại sợ thời khắc phải xa con. Cách kể chuyện ấy giúp người đọc thấu hiểu cả hai người phụ nữ, từ đó nhận ra sự phức tạp và đáng trân trọng của tình mẫu tử.

Bên cạnh đó, **xây dựng nhân vật và miêu tả tâm lí tinh tế** là một điểm sáng trong **nghệ thuật** của tác phẩm. Dì Diệu hiện lên với khát vọng làm mẹ tha thiết, sự chu đáo và tấm lòng thương yêu chị Lành. Những chi tiết như mua sắm đồ trẻ con, dán hình em bé trong nhà hay vui mừng khi cảm nhận đứa trẻ đạp trong bụng chị Lành cho thấy niềm hạnh phúc đang lớn dần trong dì. Tuy nhiên, niềm hạnh phúc ấy luôn đan xen với nỗi đau vì dì không thể tự mình mang thai. Trong khi đó, chị Lành là người phụ nữ giàu lòng nhân hậu, chấp nhận mang thai hộ vì thương dì Diệu và muốn giúp đỡ gia đình mình. Chị vừa vui mừng khi cảm nhận con lớn lên từng ngày, vừa đau đớn khi nghĩ đến cuộc chia lìa sắp tới. Hai nhân vật được khắc họa với những cảm xúc chân thực, nhiều chiều, khiến câu chuyện trở nên gần gũi và giàu sức lay động.

Một nét nghệ thuật đặc sắc khác là **ngôn ngữ giản dị, đậm sắc thái Nam Bộ, kết hợp với những hình ảnh giàu sức gợi**. Các cách diễn đạt như “hớn hờ”, “rối rít”, “ngo ngoe” tạo nên giọng kể tự nhiên, thân thuộc. Hình ảnh “khấp mình chị đã nổi sẩy sần như giề côm cháy” vừa cụ thể hóa sự thay đổi của cơ thể người mang thai, vừa gợi nỗi vất vả mà chị Lành phải chịu đựng. Đặc biệt, hình ảnh “đôi chân lấm chẫm của trẻ con” gợi lên niềm mong ước giản dị mà tha thiết của chú Đức và dì Diệu. Ngôn ngữ đời thường nhưng giàu cảm xúc đã tạo nên nét riêng trong phong cách

		Nguyễn Ngọc Tư. 3. Kết bài - Khẳng định lại giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích và tài năng nghệ thuật của nhà văn trong việc khắc họa bức tranh đời sống con người lao động.	
--	--	---	--